

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành “Quy chế quản lý và
sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm Trà B’Lao”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/2/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Xét đề nghị của UBND thị xã Bảo Lộc tại Công văn số 10/UBND ngày 11/01/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm Trà B’Lao”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Bảo Lộc, thành phố Đà Lạt và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Huỳnh Đức Hòa

QUY CHẾ
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “TRÀ
B’LAO”

*(Ban hành theo Quyết định số 06 /2008/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa.

Quy chế này nhằm tập hợp các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thị xã Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm cùng xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” thành một nhãn hiệu có uy tín của cộng đồng những tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh trà của địa phương, đồng thời chuẩn bị cho việc xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đặc thù này.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” dùng cho sản phẩm trà được sản xuất và kinh doanh trên địa bàn thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận và các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh trà trên địa bàn thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này, các từ ngữ được sử dụng có nghĩa như sau:

1. Nhãn hiệu chứng nhận được đề cập trong quy chế này là Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” áp dụng cho các sản phẩm trà được sản xuất và kinh doanh trên địa bàn thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm.

2. Văn bản chấp thuận việc đăng ký quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” là văn bản do cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận cấp cho các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh trà trên địa bàn thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng là chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận và ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Đăng ký xác lập quyền sở hữu đối với Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.

2. Quản lý, kiểm soát việc sử dụng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” theo các qui định tại Quy chế này.

Điều 5. Điều kiện sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh trà trên địa bàn thị xã Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm được sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” nếu đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có hoạt động sản xuất và kinh doanh trà thực sự trên địa bàn thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm.

2. Được cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm “Trà B’Lao”.

3. Tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ các yêu cầu về đặc tính, chất lượng sản phẩm được quy định tại quy chế này trong suốt quá trình sản xuất và lưu thông.

4. Tuân thủ các điều kiện về sản xuất, chế biến chè an toàn theo các quy định tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BNN ngày 16/05/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định quản lý, sản xuất, chế biến và chứng nhận chè an toàn.

5. Cam kết tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ các nội dung trong văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm “Trà B’Lao” trong quá trình sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 6. Nhãn hiệu chứng nhận.

Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” được thể hiện tại Phụ lục 1 kèm theo của quy chế này.

Điều 7. Vùng sản xuất và kinh doanh trà mang nhãn hiệu chứng nhận.

Vùng sản xuất và kinh doanh trà mang nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” được xác định theo Bản đồ - Phụ lục 2 kèm theo của quy chế này.

Chương II **CÁC ĐẶC TÍNH CỦA SẢN PHẨM TRÀ MANG NHÃN HIỆU** **CHỨNG NHẬN “TRÀ B’LAO”**

Điều 8. Sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận.

Sản phẩm trà mang nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” gồm 04 loại sau:

1. Trà xanh ướp hương.
2. Trà xanh.
3. Trà đen chế biến theo phương pháp OTD.
4. Trà Ô long.

Điều 9. Các đặc tính chất lượng.

Các đặc trưng về cảm quan và các chỉ tiêu hoá lý, vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật của từng loại sản phẩm trà được nêu tại quy chế này (có Phụ lục kèm theo).

1. Trà xanh ướp hương (Phụ lục 3).
2. Trà xanh (Phụ lục 4).
3. Trà đen chế biến theo phương pháp OTD (Phụ lục 5).
4. Trà Ô long (Phụ lục 6).

Điều 10. Phương pháp đánh giá các đặc tính chất lượng.

1. Phương pháp lấy mẫu: Mẫu sản phẩm để đánh giá chất lượng phải được lấy ngẫu nhiên của lô hàng mang nhãn hiệu do Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận thực hiện cùng với doanh nghiệp.

2. Phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm: Các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận phải được đánh giá theo phương pháp quy định trong Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN); Trường hợp phương pháp

thử không có trong Tiêu chuẩn Việt Nam, phương pháp đánh giá chất lượng sẽ do cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận và doanh nghiệp xác định.

3. Phòng kiểm nghiệm: Việc đánh giá chất lượng mẫu sản phẩm phải được thực hiện tại các phòng thử nghiệm đã được chứng nhận VILAS hoặc các phòng kiểm nghiệm trong hệ thống đã được VILAS thừa nhận lẫn nhau.

Chương III **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ** **NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN**

Điều 11. Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc là cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận thực hiện chức năng cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, quản lý và kiểm soát việc sử dụng và chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” theo đúng các quy định tại Quy chế này.

Điều 12. Chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận có nhiệm vụ sau:

1. Kiểm tra và tổ chức đánh giá chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.

2. Cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” cho các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại Quy chế này.

3. Quản lý việc sử dụng nhãn hiệu của các tổ chức, cá nhân đã được cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.

4. Phát hiện và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm các quy định về sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.

Chương IV **QUẢN LÝ VIỆC SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN**

Điều 13. Thủ tục cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” phải gửi đơn đề nghị Cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận cấp văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” (theo mẫu quy định).

2. Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đề nghị của các tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận phải tiến hành kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất và kinh doanh của tổ chức, cá nhân yêu cầu và đánh giá chất lượng thông qua việc lấy và gửi mẫu sản phẩm tới các phòng kiểm nghiệm để đánh giá.

3. Trong thời hạn 40 ngày làm việc cơ quan quản lý Nhãn hiệu phải ra quyết định về việc cấp hoặc không cấp văn bản chấp thuận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”. Trong trường hợp từ chối cấp văn bản chấp thuận thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Điều 14. Văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận .

1. Văn bản chấp thuận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” phải có các nội dung sau:

a) Tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận;

b) Điện thoại, Fax, Email (nếu có);

- c) Danh mục các loại sản phẩm được cấp;
- d) Mẫu Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”;
- đ) Thời hạn sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”;
- e) Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận;
- g) Họ tên, chữ ký của đại diện người có thẩm quyền và dấu của cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

2. Văn bản chấp thuận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” được làm thành 01 bản chính và trao cho tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị và có giá trị trong vòng 05 năm kể từ ngày ký. Mỗi văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sẽ được cập nhật theo số thứ tự liên tục vào Sổ quản lý văn bản chấp thuận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận của cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận. Trong trường hợp có yêu cầu cấp thêm các bản sao của văn bản thì cơ quan quản lý sẽ cấp (tối đa không quá 10 bản) nhưng trên bản sao phải có chữ “BẢN SAO” để phân biệt.

Điều 15. Sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

1. Các tổ chức, cá nhân khi sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận:

a) Có thể sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trên bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, thư từ giao dịch, phương tiện quảng cáo.

b) Phải sử dụng đúng và chính xác các dấu hiệu của Nhãn hiệu chứng nhận gồm cả tên nhãn hiệu và hình ảnh logo.

c) Chỉ sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho các loại sản phẩm trà đã được cơ quan quản lý cấp văn bản chấp thuận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.

d) Được sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận kèm với nhãn hiệu riêng của doanh nghiệp, nhưng không được sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” làm nhãn hiệu chính cho sản phẩm của mình.

đ) Không được tự ý chuyển giao quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả trường hợp tự cho phép sử dụng giữa các đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty, công ty mẹ với công ty con và ngược lại.

e) Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng, hình thức sử dụng có hoặc không có nhãn hiệu chứng nhận nhưng làm sai lệch nhận thức hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của nhãn hiệu chứng nhận; mọi hình thức đưa thông tin sai về nhãn hiệu chứng nhận hoặc làm dụng nhãn hiệu chứng nhận gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

2. Cơ quan quản lý nhãn hiệu có trách nhiệm phổ biến và cung cấp đầy đủ mọi thông tin cần thiết và liên quan đến nhãn hiệu chứng nhận cho các tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 16. Quản lý việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

1. Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận có thể kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sử dụng nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân được cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận để nhằm duy trì và đảm bảo những tiêu chuẩn và đặc tính riêng của sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.

2. Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận có quyền ra quyết định đình chỉ hoặc thu hồi vĩnh viễn việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trong các trường hợp sau:

- Tổ chức, cá nhân không còn đáp ứng điều kiện sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Điều 5, Quy chế này.

- Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng nhãn hiệu chứng nhận tại Điều 15, Quy chế này.

3. Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận có nghĩa vụ đề nghị các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu chứng nhận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.

Điều 17. Kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận.

1. Định kỳ cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận sẽ cùng doanh nghiệp lấy mẫu kiểm tra sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận và khoản phí kiểm nghiệm tổ chức, cá nhân phải tự đóng tiền theo quy định. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận đối với một doanh nghiệp không được vượt quá 02 lần trong năm.

2. Trong trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ về chất lượng của sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận, cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận có quyền đột xuất yêu cầu doanh nghiệp lấy mẫu để kiểm tra, đánh giá chất lượng của sản phẩm.

Điều 18. Chi phí tổ chức, cá nhân phải trả cho việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

Chi phí cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận; chi phí thường niên duy trì Nhãn hiệu chứng nhận và chi phí kiểm nghiệm cho việc đánh giá để được cấp văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận và kiểm tra chất lượng định kỳ hay đột xuất trong quá trình sử dụng nhãn hiệu chứng nhận được thực hiện theo sự thoả thuận giữa cơ quan quản lý nhãn hiệu và các tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu trên cơ sở đảm bảo cho việc cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, quản lý việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và phải thông qua hợp đồng.

Chương V

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 19. Quyền lợi khi tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

1. Tất cả các cá nhân, tổ chức sử dụng nhãn hiệu chứng nhận hoàn toàn bình đẳng về quyền, lợi ích cũng như nghĩa vụ liên quan đến nhãn hiệu chứng nhận.

2. Các tổ chức, cá nhân được cấp văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đều có quyền:

a) Gắn nhãn hiệu chứng nhận trên bao bì cho loại sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu do mình sản xuất, kinh doanh.

b) Có quyền khai thác, sử dụng và hưởng các lợi ích kinh tế phát sinh từ nhãn hiệu chứng nhận.

c) Được nhà nước bảo hộ quyền sử dụng hợp pháp nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.

Điều 20. Trách nhiệm khi tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

1. Thực hiện đầy đủ các quy định tại các Điều 15,17,18 của Quy chế này.
2. Tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ các quy định liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”.
3. Duy trì và bảo đảm chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao” quy định tại Quy chế này.

Chương VI XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21 : Các hành vi vi phạm

Các hành vi vi phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo Quy chế này bao gồm :

1. Hành vi sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của các tổ chức, cá nhân được cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo quy chế này nhưng không thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo Điều 20 của Quy chế này;
2. Hành vi sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các loại sản phẩm trà chưa được cấp Văn bản chấp thuận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm;
3. Hành vi sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của các tổ chức, cá nhân khác khi chưa được sự cho phép của Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận;
4. Dấu hiệu gắn trên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch, biểu hiện, phương tiện quảng cáo và các phương tiện kinh doanh khác, trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 22. Hình thức xử phạt

Tùy theo mức độ, các hành vi vi phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận có thể bị xử lý như sau:

1. Tạm đình chỉ hoặc tước quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với tổ chức, cá nhân có hành vi quy định tại khoản 1, Điều 21 Quy chế này.
2. Yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 21 Quy chế này.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu chứng nhận này đều có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc xử lý.
2. Các tổ chức, cá nhân khi sử dụng nhãn hiệu chứng nhận phải tuân thủ tất cả các quy định tại Quy chế này. Trường hợp vi phạm, tùy theo mức độ người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc có trách nhiệm theo dõi và xử lý các trường hợp sai phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Huỳnh Đức Hòa

Phụ lục 3

BẢNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRÀ XANH ƯỚP HƯƠNG

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Ngoại hình	Màu xanh tự nhiên, cánh chè dài, xoắn đều non, có tuyết
2	Màu nước	Xanh vàng, trong sáng
3	Hương ướp	Bông của các loài hoa: sen, lài, sồi, ngâu
4	Vị	Đậm dịu, có hậu ngọt

2. Các chỉ tiêu hoá lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Hàm lượng chất tan, %, không nhỏ hơn	34
2	Hàm lượng tanin, %, không nhỏ hơn	20
3	Hàm lượng cafein, %, không nhỏ hơn	2
4	Hàm lượng chất xơ, %, không lớn hơn	16,5
5	Hàm lượng tro tổng số, %	từ 4-8
6	Hàm lượng tro không tan trong axit, %, không lớn hơn	1
7	Hàm lượng tạp chất sắt, %, không lớn hơn	1,001
8	Hàm lượng bụi, %, không lớn hơn	0,5
9	Hàm lượng vụn, %, không lớn hơn	3
10	Độ ẩm, %, không lớn hơn	7,5

3. Các chỉ tiêu vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: theo quy định của Bộ Y tế

Phụ lục 4

BẢNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRÀ XANH

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Ngoại hình	Màu xanh tự nhiên, cánh chè dài, xoắn đều non, có tuyết
2	Màu nước	Xanh vàng, trong sáng
3	Hương ướp	Hương thơm tự nhiên thoáng cảm
4	Vị	Đậm dịu, có hậu ngọt

2. Các chỉ tiêu hoá lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Hàm lượng chất tan, %, không nhỏ hơn	34
2	Hàm lượng tanin, %, không nhỏ hơn	20
3	Hàm lượng cafein, %, không nhỏ hơn	2
4	Hàm lượng chất xơ, %, không lớn hơn	16,5
5	Hàm lượng tro tổng số, %	từ 4-8

6	Hàm lượng tro không tan trong axit, %, không lớn hơn	1
7	Hàm lượng tạp chất sắt, %, không lớn hơn	1,001
8	Hàm lượng bụi, %, không lớn hơn	0,5
9	Hàm lượng vụn, %, không lớn hơn	3
10	Độ ẩm, %, không lớn hơn	7,5

3. Các chỉ tiêu vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: theo quy định của Bộ y tế.

Phụ lục 5

BẢNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CHÈ ĐEN CHẾ BIẾN THEO PHƯƠNG PHÁP OTD

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Ngoại hình	Xoăn, tương đối đều, đen tự nhiên, thoáng tuyết
2	Màu nước	Đỏ nâu sáng, rõ viền vàng
3	Hương ướp	Thơm đượm
4	Vị	Đậm dịu, có hậu

2. Các chỉ tiêu hoá lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Hàm lượng chất tan, %, không nhỏ hơn	32
2	Hàm lượng tanin, %, không nhỏ hơn	9
3	Hàm lượng cafein, %, không nhỏ hơn	1,8
4	Hàm lượng chất xơ, %, không lớn hơn	16,5
5	Hàm lượng tro tổng số, %	từ 4-8
6	Hàm lượng tro không tan trong axit, %, không lớn hơn	1
7	Hàm lượng tạp chất sắt, %, không lớn hơn	0,001
8	Hàm lượng bụi, %, không lớn hơn	0,5
9	Hàm lượng vụn, %, không lớn hơn	3
10	Độ ẩm, %, không lớn hơn	7,5

3. Các chỉ tiêu vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: theo quy định của Bộ y tế.

Phụ lục 6

BẢNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRÀ Ô LONG

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Ngoại hình	Dạng viên vo tròn, màu xanh đen
2	Màu nước	Màu vàng sáng, có viên
3	Hương ướp	Thơm tự nhiên, không có mùi lạ
4	Vị	Đậm dịu, có vị hậu

2. Các chỉ tiêu hoá lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Hàm lượng chất tan, %, không nhỏ hơn	36,8
2	Hàm lượng tanin, %, không nhỏ hơn	14,8
3	Hàm lượng cafein, %, không nhỏ hơn	1,7
4	Hàm lượng chất xơ, %, không lớn hơn	13,1
5	Hàm lượng tro tổng số, %	5,7
6	Hàm lượng tro không tan trong axit, %, không lớn hơn	0,14
7	Hàm lượng tạp chất sắt, %, không lớn hơn	KPH
8	Hàm lượng bụi, %, không lớn hơn	0,04
9	Hàm lượng vụn, %, không lớn hơn	0,2
10	Độ ẩm, %, không lớn hơn	3,5

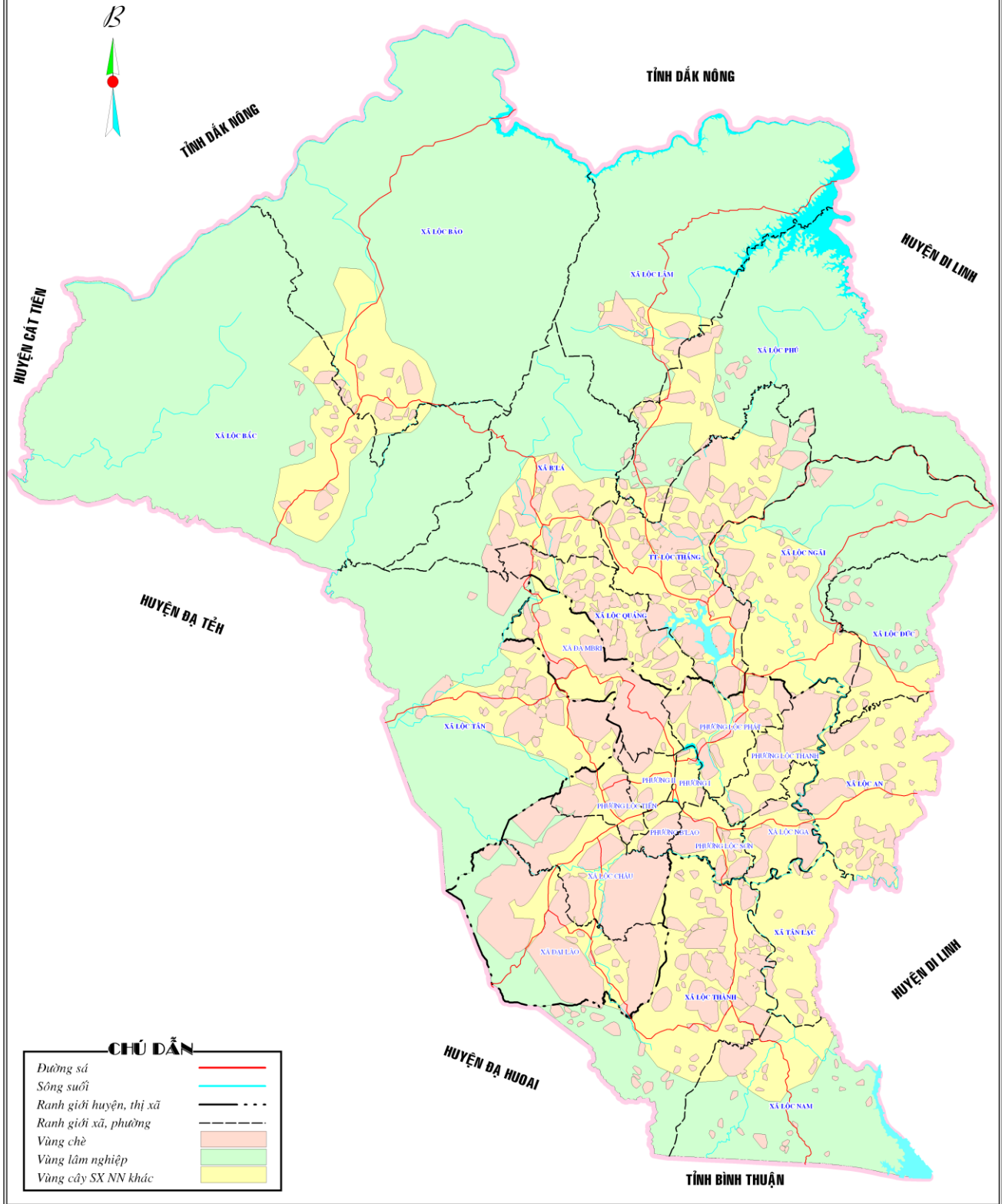
3. Các chỉ tiêu vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: theo quy định của Bộ y tế.

VÙNG SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH TRÀ

MANG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN "TRÀ B'LAO"

TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

Tỷ lệ: 1/200.000



Phụ lục 3

BẢNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRÀ XANH ƯỚP HƯƠNG

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Ngoại hình	Màu xanh tự nhiên, cánh chè dài, xoắn đều non, có tuyết
2	Màu nước	Xanh vàng, trong sáng
3	Hương ướp	Bông của các loài hoa: sen, lài, sồi, ngâu
4	Vị	Đậm dịu, có hậu ngọt

2. Các chỉ tiêu hoá lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Hàm lượng chất tan, %, không nhỏ hơn	34
2	Hàm lượng tanin, %, không nhỏ hơn	20
3	Hàm lượng cafein, %, không nhỏ hơn	2
4	Hàm lượng chất xơ, %, không lớn hơn	16,5
5	Hàm lượng tro tổng số, %	từ 4-8
6	Hàm lượng tro không tan trong axit, %, không lớn hơn	1
7	Hàm lượng tạp chất sắt, %, không lớn hơn	1,001
8	Hàm lượng bụi, %, không lớn hơn	0,5
9	Hàm lượng vụn, %, không lớn hơn	3
10	Độ ẩm, %, không lớn hơn	7,5

3. Các chỉ tiêu vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: theo quy định của Bộ Y tế

Phụ lục 4

BẢNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRÀ XANH

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Ngoại hình	Màu xanh tự nhiên, cánh chè dài, xoắn đều non, có tuyết
2	Màu nước	Xanh vàng, trong sáng
3	Hương ướp	Hương thơm tự nhiên thoáng cỏm
4	Vị	Đậm dịu, có hậu ngọt

2. Các chỉ tiêu hoá lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Hàm lượng chất tan, %, không nhỏ hơn	34
2	Hàm lượng tanin, %, không nhỏ hơn	20
3	Hàm lượng cafein, %, không nhỏ hơn	2
4	Hàm lượng chất xơ, %, không lớn hơn	16,5
5	Hàm lượng tro tổng số, %	từ 4-8
6	Hàm lượng tro không tan trong axit, %, không lớn hơn	1
7	Hàm lượng tạp chất sắt, %, không lớn hơn	1,001
8	Hàm lượng bụi, %, không lớn hơn	0,5
9	Hàm lượng vụn, %, không lớn hơn	3
10	Độ ẩm, %, không lớn hơn	7,5

3. Các chỉ tiêu vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: theo quy định của Bộ y tế.

Phụ lục 5

BẢNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CHÈ ĐEN CHẾ BIẾN THEO PHƯƠNG PHÁP OTD

1 . Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Ngoại hình	Xoăn, tương đối đều, đen tuyền, thoáng tuyết
2	Màu nước	Đỏ nâu sáng, rõ viền vàng
3	Hương ướp	Thơm đượm
4	Vị	Đậm dịu, có hậu

2. Các chỉ tiêu hoá lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Hàm lượng chất tan, %, không nhỏ hơn	32
2	Hàm lượng tanin, %, không nhỏ hơn	9
3	Hàm lượng cafein, %, không nhỏ hơn	1,8
4	Hàm lượng chất xơ, %, không lớn hơn	16,5
5	Hàm lượng tro tổng số, %	từ 4-8
6	Hàm lượng tro không tan trong axít, %, không lớn hơn	1
7	Hàm lượng tạp chất sắt, %, không lớn hơn	0,001
8	Hàm lượng bụi, %, không lớn hơn	0,5
9	Hàm lượng vụn, %, không lớn hơn	3
10	Độ ẩm, %, không lớn hơn	7,5

3. Các chỉ tiêu vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: theo quy định của Bộ y tế.

Phụ lục 6

BẢNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRÀ Ô LONG

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Ngoại hình	Dạng viên vo tròn, màu xanh đen
2	Màu nước	Màu vàng sáng, có viên
3	Hương ướp	Thơm tự nhiên, không có mùi lạ
4	Vị	Đậm dịu, có vị hậu

2. Các chỉ tiêu hoá lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Hàm lượng chất tan, %, không nhỏ hơn	36,8
2	Hàm lượng tanin, %, không nhỏ hơn	14,8
3	Hàm lượng cafein, %, không nhỏ hơn	1,7
4	Hàm lượng chất xơ, %, không lớn hơn	13,1
5	Hàm lượng tro tổng số, %	5,7
6	Hàm lượng tro không tan trong axit, %, không lớn hơn	0,14
7	Hàm lượng tạp chất sắt, %, không lớn hơn	KPH
8	Hàm lượng bụi, %, không lớn hơn	0,04
9	Hàm lượng vụn, %, không lớn hơn	0,2
10	Độ ẩm, %, không lớn hơn	3,5

3. Các chỉ tiêu vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: theo quy định của Bộ y tế.